

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (25 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên				2 (TL1)					20
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	2 (TN1, TN 2)					2 (TL2)			25
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	6 (TN 3, TN 4, TN 5, TN 6, TN 7, TN 8)							1 (TL3)	25
2	Các hình phẳng trong thực tiễn (9 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	3 (TN 9, TN 10, TN 11)								7,5
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành	1 (TN 12)			2 (TL4)					22,5
Tổng			12			4		2		1	
Tỉ lệ %			30%			40%		20%		10%	100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Thông hiểu: – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		2 (TL 1)		
		<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. – Nhận biết được số mũ của một lũy thừa. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng để tính nhanh một cách hợp lí. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	2 (TN1, TN 2)		2 (TL 2)	
		<i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư	6 (TN 3, TN 4, TN 5, TN 6, TN 7, TN 8)			1 (TL 3)

			Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).				
HÌNH HỌC TRỰC QUAN							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	<i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều</i>	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	3 (TN 9, TN 10, TN 11)			
		<i>Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành</i>	Nhận biết: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành. Thông hiểu: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).	1 (TN 12)	2 (TL 4)		

ĐỀ SỐ 1

Năm học: 2022 – 2023
Thời gian : 90 phút

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức không chứa dấu ngoặc là:

- A. Nhân và chia → Lũy thừa → Cộng và trừ.
- B. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ.
- C. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa.
- D. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia.

Câu 2. Số mũ của hai lũy thừa 3^6 và 4^5 lần lượt là:

- A. 6 và 5.
- B. 4 và 3.
- C. 3 và 4.
- D. 5 và 6.

Câu 3. Thực hiện phép chia $276 : 30$ ta được số dư là:

- A. 1.
- B. 5.
- C. 6.
- D. 7.

Câu 4. Số 60 là bội của:

- A. 7
- B. 8
- C. 9
- D. 15.

Câu 5. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 1
- B. 19
- C. 22
- D. 9.

Câu 6. Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 325
- B. 423
- C. 7 421
- D. 7 852.

Câu 7. Số nào sau đây là hợp số?

- A. 2
- B. 21
- C. 19
- D. 11.

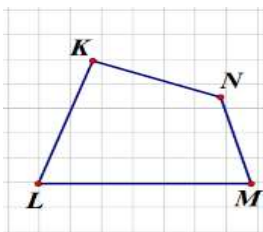
Câu 8. Số 12 là ước của:

- A. 26
- B. 44
- C. 108
- D. 118.

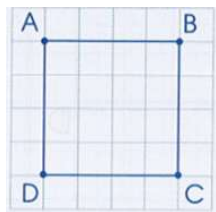
Câu 9. Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 5 cm là:

- A. Tam giác vuông cân.
- B. Tam giác vuông.
- C. Tam giác đều.
- D. Tam giác cân.

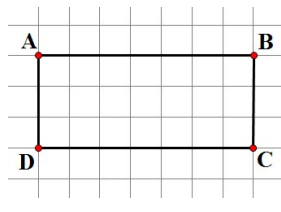
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



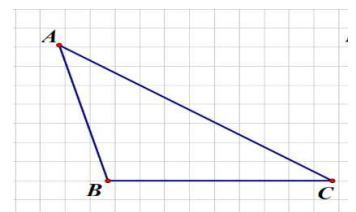
Hình 1



Hình 2



Hình 3

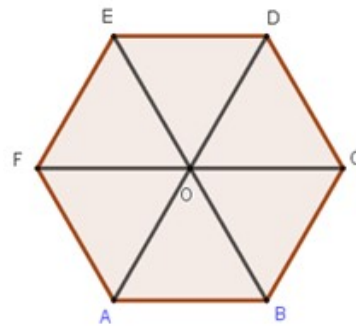


Hình 4

- A. Hình 4
- B. Hình 3
- C. Hình 2
- D. Hình 1.

Câu 11. Cho lục giác đều ABCDEF, khẳng định đúng là:

- A. $OA = OB = OC = OD = OE = OF$
- B. $OA < OB < OC < OD < OE < OF$
- C. $OA > OB > OC > OD > OE > OF$
- D. $OA \neq OB \neq OC \neq OD \neq OE \neq OF$



Câu 12. Khẳng định nào dưới đây **không đúng**?

- A. Hình thoi ABCD có AB song song với CD và BC song song với AD.
- B. Hình thoi ABCD có $AB = BC = CD = AD$.
- C. Hình thoi ABCD có AC và BD vuông góc với nhau.
- D. Hình thoi ABCD có bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau.

Phần 2. Tự luận (7 điểm):

Câu 1:

- a) Viết mỗi số 95; \overline{abc} thành tổng theo mẫu: $222 = 2 \times 100 + 2 \times 10 + 2$.
- b) Viết các số sau bằng số La Mã: 25; 29.

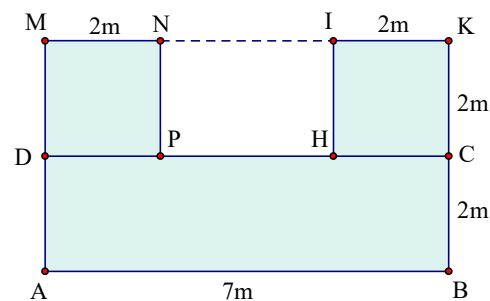
Câu 2. Tính giá trị của biểu thức (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $35.67 - 100 + 33.35$
- b) $(3^4 + 5^0).2 + (27 - 3) : 4$

Câu 3: Trong buổi chào cờ tại một trường THCS, học sinh ba khối 6, 7, 8 cùng xếp thành một số hàng dọc như nhau. Biết khối 6 có 300 học sinh, khối 7 có 276 học sinh, khối 8 có 252 học sinh. Hỏi có thể xếp được nhiều nhất thành bao nhiêu hàng dọc để mỗi khối không có ai lẻ hàng?

Câu 4: Một mảnh vườn có kích thước như hình vẽ.

- a) Tính diện tích của mảnh vườn đó.
- b) Biết giá đất ở thời điểm hiện tại là 25 triệu đồng/m².
Hỏi toàn bộ mảnh vườn giá bao nhiêu tiền?



ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Đề 1

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PA đúng	B	A	C	D	B	B	B	C	C	C	A	D

Phần 2. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
1a	$95 = 9 \times 10 + 5$	0,5
	$\overline{abc} = a \times 100 + b \times 10 + c$	0,5
1b	25 viết là: XXV	0,5
	29 viết là: XXIX	0,5
2a	$35.67 - 100 + 33.35 = 35.(67 + 33) - 100$	0,25
	$= 35. 100 - 100$	0,25
	$= 3500 - 100$	0,25
	$= 3400$	0,25
2b	$(3^4 + 5^0).2 + (27 - 3) : 4 = (81 + 1).2 + 24:4$	0,25
	$= 82.2 + 24:4$	0,25
	$= 164 + 6$	0,25
	$= 170$	0,25
3	Gọi số hàng dọc mỗi khối có thể xếp được nhiều nhất là x (hàng) ($x \in \mathbb{N}^*$)	0,25
	Theo đầu bài, ta có: $300 : x$, $276 : x$ và $252 : x$ $\Rightarrow x \in \text{ƯC}(300, 276, 252)$	0,25
	Mà x lớn nhất $\Rightarrow x = \text{ƯCLN}(300, 276, 252)$	
	$\text{ƯCLN}(300, 276, 252) = 12$	0,25
	Vậy số hàng dọc mỗi khối có thể xếp được nhiều nhất là 12 (hàng)	0,25
4a	Diện tích của hình chữ nhật ABCD là: $2.7 = 14 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	Diện tích của hình vuông MNPD là: $2^2 = 4 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	Diện tích của hình vuông IKCH là $4 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25
	Diện tích mảnh vườn là: $14 + 4 + 4 = 22 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25
4b	Toàn bộ mảnh vườn có giá là: $25.22 = 550$ (triệu đồng)	0,5

ĐỀ SỐ 2

Năm học: 2022 – 2023
Thời gian : 90 phút

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức không chứa dấu ngoặc là:

- A. Nhân và chia → Lũy thừa → Cộng và trừ.
- B. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ.
- C. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa.
- D. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia.

Câu 2. Số 60 là bội của:

- A. 7
- B. 8
- C. 9
- D. 15.

Câu 3. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 1
- B. 19
- C. 22
- D. 9.

Câu 4. Số mũ của hai lũy thừa 3^6 và 4^5 lần lượt là:

- A. 6 và 5.
- B. 4 và 3.
- C. 3 và 4.
- D. 5 và 6.

Câu 5. Thực hiện phép chia $276 : 30$ ta được số dư là:

- A. 1.
- B. 5.
- C. 6.
- D. 7.

Câu 6. Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 325
- B. 423
- C. 7 421
- D. 7 852.

Câu 7. Số nào sau đây là hợp số?

- B. 2
- B. 11
- C. 19
- D. 21.

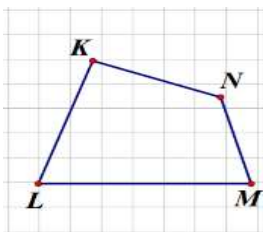
Câu 8. Số 12 là ước của:

- A. 108
- B. 44
- C. 26
- D. 118.

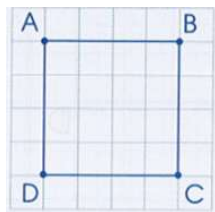
Câu 9. Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 5 cm là:

- B. Tam giác vuông.
- B. Tam giác vuông cân.
- C. Tam giác đều.
- D. Tam giác cân.

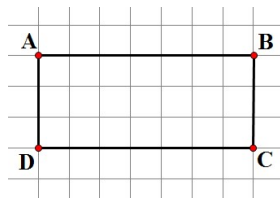
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



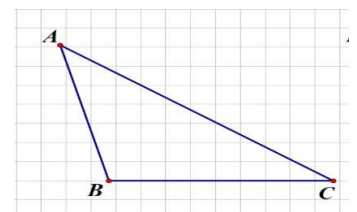
Hình 1



Hình 2



Hình 3

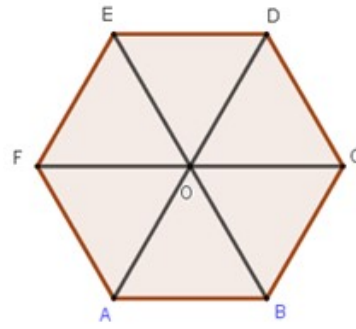


Hình 4

- B. Hình 4
- B. Hình 3
- C. Hình 2
- D. Hình 1.

Câu 11. Cho lục giác đều ABCDEF, khẳng định đúng là:

- A. $OA < OB < OC < OD < OE < OF$
- B. $OA > OB > OC > OD > OE > OF$
- C. $OA \neq OB \neq OC \neq OD \neq OE \neq OF$
- D. $OA = OB = OC = OD = OE = OF$



Câu 12. Khẳng định nào dưới đây **không đúng**?

- A. Hình thoi ABCD có AB song song với CD và BC song song với AD.
- B. Hình thoi ABCD có $AB = BC = CD = AD$.
- C. Hình thoi ABCD có AC và BD vuông góc với nhau.
- D. Hình thoi ABCD có bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau.

Phần 2. Tự luận (7 điểm):

Câu 1:

- a) Viết mỗi số 85; \overline{abc} thành tổng theo mẫu: $222 = 2 \times 100 + 2 \times 10 + 2$.
- b) Viết các số sau bằng số La Mã: 35; 19.

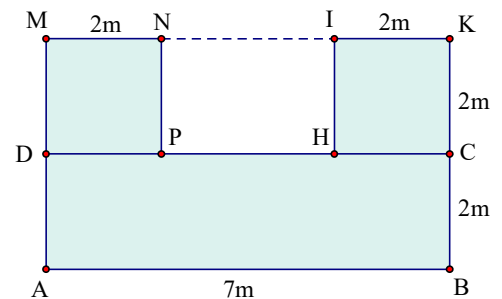
Câu 2. Tính giá trị của biểu thức (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $37.67 - 100 + 33.37$
- b) $(5^3 + 7^0).3 + (57 - 3) : 6$

Câu 3: Cô giáo chủ nhiệm lớp 6A chuẩn bị các phần thưởng để tặng cho những học sinh có thành tích cao trong đợt thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11. Cô giáo muốn chia 240 quyển vở, 150 bút bi, 60 thước kẻ thành một số phần thưởng như nhau. Hỏi cô giáo có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng ?

Câu 4: Một mảnh vườn có kích thước như hình vẽ.

- a) Tính diện tích của mảnh vườn đó.
- b) Biết giá đất ở thời điểm hiện tại là 25 triệu đồng/m².
Hỏi toàn bộ mảnh vườn giá bao nhiêu tiền?



ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Đề 2

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PA đúng	B	D	B	A	C	B	D	A	C	C	D	D

Phần 2. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
1a	$85 = 8 \times 10 + 5$	0,5
	$\overline{abc} = a \times 100 + b \times 10 + c$	0,5
1b	35 viết là: XXXV	0,5
	19 viết là: XIX	0,5
2a	$37.67 - 100 + 33.37 = 37.(67 + 33) - 100$	0,25
	$= 37. 100 - 100$	0,25
	$= 3700 - 100$	0,25
	$= 3600$	0,25
2b	$(5^3 + 7^0).3 + (57 - 3) : 6 = (125 + 1).3 + 54:6$	0,25
	$= 126.3 + 54:6$	0,25
	$= 378 + 9$	0,25
	$= 387$	0,25
3	Gọi số phần thưởng mà cô giáo chia được nhiều nhất là x (hàng) (x ∈ ℕ*)	0,25
	Theo đầu bài, ta có: $240 : x$, $150 : x$ và $60 : x$ $\Rightarrow x \in ƯC(240, 150, 60)$ Mà x lớn nhất $\Rightarrow x = ƯCLN(240, 150, 60)$	0,25
	$ƯCLN(240, 150, 60) = 30$	0,25
	Vậy số phần thưởng cô giáo chia được nhiều nhất là 30 (phần thưởng)	0,25
4a	Diện tích của hình chữ nhật ABCD là: $2.7 = 14 (m^2)$	0,5
	Diện tích của hình vuông MNPD là: $2^2 = 4 (m^2)$	0,5
	Diện tích của hình vuông IKCH là $4 (m^2)$	0,25
	Diện tích mảnh vườn là: $14 + 4 + 4 = 22 (m^2)$	0,25
4b	Toàn bộ mảnh vườn có giá là: $25.22 = 550$ (triệu đồng)	0,5